

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2017/DSST

Ngày 15 tháng 6 năm 2017

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thu Hương.

2. Bà Hoàng Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 15 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2016/TLST- DS ngày 08 tháng 12 năm 2016 về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2017/QĐ-HPT ngày 25/4/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2017/HPT ngày 25/5/2017 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1967

ĐKKHKT: Xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lưu Tuấn T, sinh năm: 1984

ĐKKHKT: Ngõ 18, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
(có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Ngọc Thanh T1, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số nhà 27A, ngõ 269, đường N, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang cải tạo tại: Đội 1, K3 (phân trại số 3), Trại giam N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2016, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Trước đây, ông và anh Lưu Tuấn T là anh em bạn bè, đồng nghiệp cùng làm tại Ngân hàng thương mại C- chi nhánh B, anh T làm tại Bắc Giang còn ông làm tại Phòng giao dịch L. Vào lúc 10giờ 03 phút ngày 19/9/2014 tại Phòng giao dịch L ông đã chuyển số tiền 150.000.000VND (*Một trăm năm mươi triệu đồng*)

vào tài khoản của anh Lưu Tuấn T số khoản là 711A.22807416, anh T đã thông báo với ông là đã nhận được tiền sau khi ông chuyển xong qua ngân hàng. Thỏa thuận giao dịch là vay mượn hoàn toàn bằng miệng và đã được thống nhất. Sau khi giao dịch vay mượn khoảng 10 ngày ông có nhắc nợ và đòi lại số tiền trên nhưng không được anh T trả nợ. Nay ông yêu cầu anh Lưu Tuấn T trả ông 150.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày anh T nhận được tiền cho tới thời điểm kết thúc việc xét xử.

Ngày 23/02/2017 ông Nguyễn Văn S có đơn đề nghị về việc sửa đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung: Bản chất sự việc ông chuyển tiền cho anh Lưu Tuấn T không phải là cho anh T vay mà chuyển cho anh T theo sự chỉ đạo của Lãnh đạo của ngân hàng TMCP C - chi nhánh B để thực hiện việc mà theo lãnh đạo Ngân hàng nói là khắc phục hậu quả cho anh Nguyễn Ngọc Thanh T1 là cán bộ tín dụng Phòng giao dịch L gây ra và để giữ lại việc làm cho tất cả mọi người. Do vậy, ông làm đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch chuyển tiền của ông cho anh T là vô hiệu, buộc anh T phải trả ông số tiền 150.000.000 đồng.

Ngày 17/4/2017 ông S có đơn khởi kiện về việc kiện đòi tài sản với nội dung: Lý do ông thay đổi nội dung khởi kiện trước đây là do anh em bạn bè tư vấn nên ông đã viết đơn tranh chấp vay tài sản, sau này sửa thành đề nghị tuyên bố giao dịch chuyển tiền của ông cho anh T là vô hiệu và giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu. Mục đích của ông là chỉ kiện đòi số tiền gốc 150.000.000 đồng ông đã chuyển cho anh T không đòi tiền lãi nữa.

Tại bản tự khai ngày 22/12/2016 và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là anh Lưu Tuấn T trình bày: Đầu tháng 09/2014, Ngân hàng TMCP C - chi nhánh B phát hiện ra Nguyễn Ngọc Thanh T1 - nguyên cán bộ tín dụng Phòng giao dịch L làm giả hồ sơ để chiếm đoạt vay tiền của các khách hàng do T1 quản lý, tổng số tiền bị chiếm đoạt đến thời điểm phát hiện là 5.650.000.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Để đảm bảo uy tín thương hiệu của Ngân hàng và không ảnh hưởng đến việc phục vụ khách hàng cũng như hoạt động của chi nhánh thì việc khắc phục hậu quả số tiền T1 chiếm đoạt cần tiến hành ngay. Chi nhánh đã họp toàn bộ các cán bộ có liên quan để tìm biện pháp xử lý. Sau nhiều cuộc trao đổi đã họp thống nhất cho T1 và cho gia đình T1 vay toàn bộ số tiền còn thiếu để khắc phục hậu quả. Để đảm bảo anh T1 không tiếp tục chiếm đoạt số tiền các cán bộ ngân hàng cho vay và nộp lại đúng các khoản vay bị anh T1 chiếm đoạt, anh nhận trách nhiệm quản lý tiền và cùng anh T1 nộp tiền trả vào các khoản vay bị anh T1 chiếm đoạt. Ngày 19/9/2014 ông S nhờ chuyển vào tài khoản của anh số tiền 150.000.000 đồng để cho T1 vay và nhờ anh cùng T1 nộp trả nợ các khoản vay bị chiếm đoạt. Khi chuyển tiền ông S nói với anh là đã chuyển số tiền 150.000.000 đồng và nhờ anh cho T1 vay để khắc phục hậu quả. Anh khẳng định giữa anh và ông S không có bất kỳ giao dịch vay mượn tiền nào. Anh đề nghị Tòa án xác minh về mục đích số tiền 150.000.000 đồng ông S chuyển cho anh, buộc ông S phải rút đơn khởi kiện, xin lỗi anh một cách công khai, đồng thời đền bù thiệt hại cho anh tương ứng với thời gian và công sức anh phải bỏ ra để giải quyết vụ án này cũng như những tổn hại về danh dự của anh.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Ngọc Thanh T1 trình bày: Anh không biết việc ông S chuyển tiền cho anh Lưu Tuấn T như thế nào và anh cũng chưa bao giờ vay tiền của ông S. Việc ông S trình bày chuyển tiền theo sự chỉ đạo của lãnh đạo Ngân hàng thì anh không biết. Anh T trình bày về việc chuyển tiền của ông S vào tài khoản của anh T để cho anh vay thì anh T cũng không hề nói với anh về việc này. Do không liên quan gì đến số tiền 150.000.000đồng mà ông S chuyển cho anh T nên anh xác định không liên quan gì đến vụ án. Đề nghị Tòa án không triệu tập anh tham gia tố tụng. Do điều kiện anh đang bị giam giữ nên anh xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và các phiên xét xử vụ án.

Ngày 21/02/2017 Ngân hàng TMCP C - chi nhánh B có Công văn số 43/CV-CNBG-TH về việc cung cấp thông tin: Ban lãnh đạo Ngân hàng TMCP C - chi nhánh B có biết được nội dung sự việc ông Nguyễn Văn S chuyển số tiền 150.000.000đồng vào tài khoản của anh Lưu Tuấn T vào ngày 19/9/2014. Mục đích ông S chuyển tiền vào tài khoản của anh T - Trưởng phòng tổng hợp là nhờ anh T đưa cho Nguyễn Ngọc Thanh T1 vay để nộp tiền trả nợ các khoản vay bị T1 chiếm dụng. Lý do cùng ngày 19/9/2014 anh T cũng có giấy nộp tiền 150.000.000đồng vào Ngân hàng là do ông S mang tiền ra nộp vào tài khoản Lưu Tuấn T rồi lấy tên của Lưu Tuấn T làm người nộp tiền. Chứng từ hợp lệ lưu tại Ngân hàng là chứng từ Lưu Tuấn T nộp tiền vào tài khoản 150.000.000đồng ngày 19/9/2014. Việc ông S nộp tiền vào tài khoản là do ông S tự nguyện nộp, Ban lãnh đạo Ngân hàng không ép buộc. Các việc chuyển và nhận tiền do các cá nhân tự nguyện làm, không có văn bản nào liên quan.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng không hòa giải được do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ngày 22/4/2017 anh Lưu Tuấn T có đơn xin hoãn phiên tòa, đề nghị được đối chất trực tiếp đối với anh T1, ông S và anh; yêu cầu triệu tập người làm chứng là chị Trần Thị Ngọc M và chị Đỗ Thị H là đồng nghiệp cùng phòng giao dịch với ông S. Tại biên bản đối chất ngày 09/5/2017:

- Ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc anh T phải trả ông tiền và khẳng định không có thỏa thuận gì với T1 và không cho T1 vay tiền.

- Anh T xác định chỉ là người trung gian chuyển tiền của ông S cho anh T1 vay, sau khi ông S chuyển tiền anh đã đưa cho T1 và anh T1 có viết giấy vay tiền của anh số tiền 340.000.000đồng gồm có 150.000.000đồng của ông S và tiền của một số người khác anh không nhớ.

- Anh T1 xác nhận có được ký vay của anh T số tiền 340.000.000đồng ngày 19/9/2014, anh T có nói cho anh biết tổng số tiền mà anh ký vay của những ai cho anh vay để khắc phục hậu quả. Trong đó, có số tiền 150.000.000đồng của ông S. Giữa anh và ông S không có thỏa thuận gì về việc ông S cho anh vay tiền, khi ký vay với anh T số tiền 340.000.000đồng xong thì anh và anh T nộp vào Ngân hàng luôn, anh là người đứng tên nộp, anh xác nhận tiền anh T cho anh vay là của những người liên quan khác nên khi có điều kiện trả anh đề nghị phải có mặt cả ba bên.

Ngày 25/5/2017 Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa do nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Do sự chỉ đạo của lãnh đạo Ngân hàng TMCP C chi nhánh B và do hoang mang, sợ mất việc nên ông đã chuyển vào tài khoản của anh Lưu Tuấn T số tiền 150.000.000đồng cho gia đình T1 vay để T1 nộp khắc phục hậu quả. Ban lãnh đạo Ngân hàng yêu cầu ông chuyển số tiền gần 01 tỷ đồng nhưng ông mới chỉ chuyển tạm 150.000.000đồng, số tiền còn lại ông không có nên ông đã phải nghỉ việc. Sau khi ông chuyển tiền, anh T đã nhắn tin cho ông là đã nhận được tiền, ông không nhờ qua tài khoản của anh T để cho T1 vay. Nay ông yêu cầu buộc anh T phải trả cho ông số tiền 150.000.000đồng ông đã chuyển ngày 19/9/2014, không yêu cầu tiền lãi, còn việc anh T chuyển tiền cho ai vay thì anh T đòi người đó, ông không cho T1 vay nên không đòi T1.

Bị đơn là anh Lưu Tuấn T trình bày: Anh xác nhận có việc ông S chuyển số tiền 150.000.000đồng vào tài khoản của anh. Mục đích ông S chuyển tiền vào tài khoản của anh là nhờ anh chuyển cho Nguyễn Ngọc Thanh T1 vay để khắc phục hậu quả việc làm sai phạm của Nguyễn Ngọc Thanh T1 và một số cán bộ có liên quan. Khi chuyển tiền thì ông S có nhờ bằng miệng. Lý do anh đứng ra trung gian chuyển tiền vào tài khoản để cho vay là tại thời điểm đó anh là Trưởng phòng tổng hợp của Ngân hàng TMCP C, chi nhánh B, nên mọi người trong Ngân hàng có chuyển tiền vào tài khoản của anh để giúp anh T1. Nay ông S kiện đòi số tiền 150.000.000đồng thì anh không đồng ý vì bản chất anh không vay mượn gì của ông S, cũng không sử dụng gì số tiền trên. Tại phiên tòa, anh nộp cho Hội đồng xét xử giấy nhận nợ ngày 13/6/2017 của Nguyễn Ngọc Thanh T1, anh T1 cũng cam kết sẽ hoàn trả lại số tiền 150.000.000đồng đã vay của ông S. Lý do tại phiên tòa anh mới nộp giấy nhận nợ của T1 là do trước ngày xét xử anh mới thu thập được.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, công khai toàn bộ tài liệu chứng cứ các đương sự nộp sau phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ. Các đương sự không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến như sau: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, ông S vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên đối chất ngày 17/01/2017, anh T vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 10/01/2017. Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự 2005. khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S về việc yêu cầu anh Lưu Tuấn T phải trả cho ông số tiền 150.000.000đồng. Buộc ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Ngọc Thanh T1 đã được giao thông báo thụ lý hợp lệ, anh đề nghị Tòa án không triệu tập và xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc cũng như xét xử liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T1 theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn S và anh Lưu Tuấn T là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy: Tại đơn khởi kiện ban đầu ông S cho rằng cho anh T vay số tiền 150.000.000đồng nên khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Tuy nhiên, ngày 23/02/2017 ông S thay đổi nội dung khởi kiện vì cho rằng bản chất sự việc không phải là vay tài sản. Ngày 17/4/2017 ông S có đơn khởi kiện trình bày mục đích là đòi lại số tiền đã chuyển cho anh T ngày 19/9/2014, không yêu cầu tính lãi. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự 2005.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Theo giấy nộp tiền ngày 19/9/2014 thì ông S có chuyển tiền vào tài khoản của anh T theo giấy nộp tiền tại Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần C Bắc Giang, trong đó ông S là bên chuyển tiền, anh T là bên nhận, tài sản chuyển là tiền mặt 150.000.000đồng. Điều này các bên đều công nhận

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc anh T trả số tiền 150.000.000đồng: Tại bản án hình sự số 20/2016/HSST ngày 31/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã xác định ông S có cho T1 vay số tiền 300.000.000đồng để khắc phục hậu quả (BL 43). Cũng tại đơn kiến nghị ngày 25/10/2014 ông S trình bày: Do lãnh đạo Ngân hàng vừa dọa, vừa động viên cứ nộp tiền để khắc phục thiệt hại do T1 gây ra, nộp xong trung ương sẽ không kiểm tra và sẽ không bị làm sao, nếu bị kiểm tra sẽ bị kỷ luật nên ông đã đi vay của mọi người trong gia đình được 150.000.000đồng nộp qua tài khoản của anh T trưởng phòng tổng hợp (BL 38, 39). Tại biên bản đối chất ngày 09/5/2017 ông S trình bày, ông không tự nguyện chuyển tiền vào tài khoản của anh T mà là do chỉ đạo của lãnh đạo Ngân hàng, yêu cầu mọi người trong ngân hàng tập trung tiền cho gia đình T1 vay khắc phục hậu quả cho T1, vì vậy ngày 19/9/2014 ông đã chuyển 150.000.000đồng vào tài khoản của T.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định: Hành vi vi phạm của anh Nguyễn Ngọc Thanh T1 có liên quan đến một số cán bộ Ngân hàng TMCP C chi nhánh B và Phòng giao dịch L nên các bên thống nhất cho anh Nguyễn Ngọc Thanh T1 vay để khắc phục hậu quả. Trong quá trình điều tra vụ án tại vụ án hình sự đối với Nguyễn Ngọc Thanh T1, lời khai của anh T, ông S tại Công an huyện Lạng Giang và tại phiên tòa đều thể hiện nhiều cán bộ của Ngân hàng

thương mại cổ phần C, chi nhánh B cho anh T1 và gia đình T1 vay tiền để khắc phục hậu quả và để giữ uy tín cho Ngân hàng, trong đó có ông S. Anh T chỉ là người trung gian nhận chuyển tiền ông S chuyển cho Nguyễn Ngọc Thanh T1 vay để khắc phục hậu quả theo chức trách nhiệm vụ của mình là Trưởng phòng tổng hợp của Ngân hàng thương mại cổ phần C chi nhánh B, bản thân anh T không được sử dụng số tiền này. Sau khi nhận được tiền ông S chuyển, cùng ngày anh T đã rút toàn bộ số tiền trên và chuyển cho Nguyễn Ngọc Thanh T1 vay, T1 nộp tiền vào Ngân hàng để khắc phục hậu quả

Qua các tài liệu chứng thu thập được, các lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện, anh T không ép buộc ông S chuyển tiền vào tài khoản của mình để cho anh T1 vay. Việc ông S chuyển tiền vào tài khoản của anh T cho anh T1 vay là hoàn toàn tự nguyện và khi chuyển tiền ông S biết mục đích chuyển tiền qua tài khoản của T để cho T1 vay. Tại Cơ quan điều tra, ông S cũng khai “Lý do tôi có ký vào tờ giấy có nội dung cho gia đình vay số tiền trên là vì trước đó tôi có nói với ông H là nếu tôi đóng tiền để khắc phục như thế thì tôi là người giúp sức, che dấu hành vi của anh T1 à, thì anh H có bảo nếu thế thì mình sẽ làm biên bản giấy tờ là để cho gia đình T1 hoặc T1 vay số tiền trên nên tôi đã đồng ý” (Bl 65, 66). Giữa anh T và ông S không quan hệ vay mượn, hoặc chuyển tiền theo yêu cầu của anh T. Anh Nguyễn Ngọc Thanh T1 cũng thừa nhận trong số 340.000.000đồng viết vay của anh T có số tiền 150.000.000đồng ông S chuyển và anh T1 cam kết sẽ hoàn lại số tiền 150.000.000đồng đã vay của ông Nguyễn Văn S khi có điều kiện. Theo quy định tại Điều 4 Bộ Luật dân sự 2005 qui định: “Quyền tự do cam kết, thỏa thuận trong việc xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự được pháp luật bảo đảm, nếu cam kết thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quan hệ dân sự, các bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào được áp đặt, cấm đoán, cưỡng ép, đe dọa, ngăn cản bên nào...”, ông S không có chứng cứ về việc mình bị lãnh đạo Ngân hàng ép buộc chuyển tiền vào tài khoản của anh T. Điều 471 Bộ Luật dân sự qui định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên...”. Từ những phân tích nêu trên, xác định anh T chỉ là người trung gian chuyển tiền của ông S cho anh T1 vay và việc ông S chuyển tiền cho anh T1 vay là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S về việc đòi anh Lưu Tuấn T trả số tiền 150.000.000đồng theo giấy chuyển tiền ngày 19/9/2014.

[3]. Đối với giấy vay tiền ngày 19/9/2014 anh T1 ký nhận vay của anh T số tiền 340.000.000đồng, nay anh T1 xác nhận, trong đó có khoản nợ 150.000.000đồng của ông S và cam kết có trách nhiệm trả cho ông S. Ông S có thể khởi kiện anh T1 bằng một vụ án độc lập khác khi có yêu cầu.

[4]. Đối với yêu cầu về lãi suất: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, ông S cũng không yêu cầu giải quyết về lãi suất, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Đối với yêu cầu của anh T về việc triệu tập thêm người làm chứng là chị Trần Thị Ngọc M và chị Đỗ Thị H. Đến ngày 22/5/2017 anh T xin rút lại đề nghị Tòa án triệu tập thêm chị M và chị H, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Đối với trình bày của anh Lưu Tuấn T yêu cầu ông S phải xin lỗi và đền bù thiệt hại trong thời gian anh bỏ ra để giải quyết vụ án. Anh T không có chứng cứ chứng minh về thiệt hại thực tế liên quan trực tiếp đến vụ việc và không nêu rõ thiệt hại cụ thể là bao nhiêu. Hội đồng không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông S không được chấp nhận nên ông S phải chịu: $150.000.000\text{đồng} \times 5\% = 7.500.000\text{đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Anh Lưu Tuấn T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 4, Điều 197, Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S về việc buộc anh Lưu Tuấn T phải trả số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), theo giấy chuyển tiền ngày 19/9/2014.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu 7.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 3.750.000đồng tạm ứng án phí ông S đã nộp theo biên lai số AA/2012/05790, ngày 08 tháng 12 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Ông S còn phải thi hành tiếp số tiền 3.750.000đồng án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP Bắc Giang;
- Chi cục THA dân sự TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Hà